

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư nước ngoài gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo.

Làm căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm Nghị quyết số 10-NQ/TW được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, thiết thực; bám sát các chủ trương, định hướng của Trung ương, phù hợp Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và điều kiện thực tiễn của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương; đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan trong quá trình triển khai thực hiện.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; lấy chất lượng, hiệu quả, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế làm tiêu chí chủ yếu trong quá trình tổ chức thực hiện.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW; thống nhất nhận thức phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế của tỉnh.

2. Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo hướng chất lượng, hiệu quả và bền vững; bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động theo nguyên tắc bình đẳng, minh bạch.

3. Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gắn với yêu cầu nâng cao năng lực, phát huy vai trò doanh nghiệp trong nước, hình thành chuỗi cung ứng nội địa, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, phát triển hệ sinh thái công nghiệp, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế.

4. Phát huy tối đa lợi thế của tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp đơn vị hành chính; kết hợp chặt chẽ giữa thu hút FDI với kết nối, phát triển doanh nghiệp trong nước, phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền chịu trách nhiệm trực tiếp trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác thu hút, quản lý và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài. Lấy kết quả cải thiện môi trường đầu tư, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và mức độ hài lòng của doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững; thu hút có chọn lọc các dự án FDI có chất lượng, hiệu quả, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, thân thiện môi trường, có khả năng kết nối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp địa phương; nâng cao năng lực nội sinh, năng lực hấp thụ và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Tuyên Quang phát triển nhanh, toàn diện, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng điều hành, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xây dựng chính quyền phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp; phấn đấu các chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính và chất lượng quản trị của tỉnh thuộc nhóm khá trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc,... Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng xanh, bền vững, gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 10,5%/năm.

100% thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ cao; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo hiện đại, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao và các dự án có trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; lấy chất lượng, hiệu quả, trình độ công nghệ, giá trị gia tăng, khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước, bảo vệ môi trường và đóng góp thực chất cho phát triển kinh tế - xã hội làm tiêu chí chủ yếu.

Phân đầu hình thành mạng lưới liên kết ngày càng chặt chẽ giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp địa phương tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI.

Giai đoạn 2026-2030, thu hút vốn đầu tư nước ngoài tăng khoảng 15.000-20.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 600-800 triệu USD (theo tỷ giá ước tính).

b) Đến năm 2045

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững; trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có khả năng kết nối sâu với các chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất và mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu.

Tỉnh Tuyên Quang trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp xanh, năng lượng sạch, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và các ngành dịch vụ hiện đại; hình thành hệ sinh thái sản xuất, kinh doanh hiện đại, có sức cạnh tranh cao, góp phần đưa tỉnh trở thành tỉnh phát triển, thu nhập cao trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW; làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xã hội đối với chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, dự án đầu tư hiệu quả.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền gắn với ứng dụng nền tảng số; tăng cường đối thoại, cung cấp thông tin chính thống cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; chủ động tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư của tỉnh Tuyên Quang tới các đối tác, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chuyển mạnh từ tư duy thu hút đầu tư theo số lượng sang lựa chọn nhà đầu tư và dự án có chất lượng; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, giá trị gia tăng, hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và khả năng liên kết với doanh nghiệp trong nước làm tiêu chí chủ yếu trong thu hút và quản lý đầu tư nước ngoài.

2. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định không còn phù hợp; cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương của Trung ương thành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm tạo lập môi trường đầu tư ổn định, minh bạch, thuận lợi và cạnh tranh.

Chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển và phục vụ doanh nghiệp; xây dựng môi trường đầu tư công khai, minh bạch, ổn định, an toàn, chất lượng dịch vụ công ngày càng cao. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa, chuẩn hóa, số hóa và hiện đại hóa quy trình giải quyết thủ tục đầu tư; tăng cường phối hợp, liên thông giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường và đăng ký doanh nghiệp; kiên quyết cắt giảm các thủ tục trung gian không cần thiết, không để phát sinh thủ tục ngoài quy định.

Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư; duy trì hoạt động hiệu quả của Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết thủ tục đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

Tập trung cải thiện thực chất các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI; lấy kết quả cải thiện môi trường đầu tư, mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

3. Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng chất lượng, hiệu quả, đổi mới sáng tạo và bền vững

Ưu tiên thu hút các dự án FDI thuộc các lĩnh vực tỉnh có lợi thế, như: công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; nông nghiệp công nghệ cao; chế biến nông, lâm sản; năng lượng sạch; logistics; du lịch, dịch vụ chất lượng cao; kinh tế số; hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường.

Thu hút đầu tư nước ngoài theo cụm ngành, chuỗi giá trị, hệ sinh thái công nghiệp và liên kết vùng; tránh thu hút đầu tư dàn trải theo địa giới hành chính; lựa chọn các dự án phù hợp với lợi thế của tỉnh, có khả năng liên kết với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các hành lang kinh tế. Thực hiện sàng lọc chặt chẽ các dự án đầu tư nước ngoài ngay từ khâu xem xét chủ trương đầu tư; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, giá trị gia tăng cao, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết với doanh nghiệp trong nước và đóng góp tích cực cho chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

Khuyến khích các doanh nghiệp FDI hình thành chuỗi liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh; tăng tỷ lệ nội địa hóa; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Rà soát quỹ đất phát triển công nghiệp; tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; chuẩn bị quỹ đất sạch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, hạ tầng logistics và nguồn nhân lực để sẵn sàng tiếp nhận các dự án FDI quy mô lớn.

Tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép đầu tư; thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư, đồng thời kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường hoặc không thực hiện đúng cam kết.

Ưu tiên thu hút các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp lớn, nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực tài chính, năng lực quản trị hiện đại, có khả năng dẫn dắt chuỗi

cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và các nhà đầu tư đến từ các nước có nền kinh tế phát triển, các nước sở hữu công nghệ thuộc nhóm G7 bao gồm: Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh; các nước có nền kinh tế mới nổi như: Ấn Độ, Nga, Brazil,... Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển kinh tế với tỉnh Vân Nam và Quảng Tây Trung Quốc; ưu tiên các dự án có cam kết về chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển doanh nghiệp hỗ trợ và tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong nước.

Kiên quyết không chấp thuận các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát thải lớn hoặc hiệu quả kinh tế - xã hội thấp; bảo đảm yêu cầu phát triển xanh, phát triển bền vững và phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Gắn thu hút đầu tư nước ngoài với phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh mạng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài; không đánh đổi môi trường, tiến bộ và công bằng xã hội để thu hút đầu tư bằng mọi giá.

4. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và các điều kiện bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Tập trung triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phát huy lợi thế của các hành lang kinh tế, các tuyến giao thông kết nối liên vùng; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch, tạo không gian phát triển và thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến.

Đẩy mạnh công tác thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, tạo động lực phát triển liên vùng và thu hút đầu tư, như: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1); hoàn thiện giai đoạn 2 Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đến Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy; thúc đẩy đầu tư tuyến kết nối cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12); đầu tư các tuyến giao thông kết nối liên tỉnh như tuyến từ trung tâm hành chính tỉnh Tuyên Quang kết nối tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) (nút giao IC5 cao tốc Hà Nội - Lào Cai), tuyến từ Sơn Dương kết nối Thái Nguyên, Bắc Ninh và các công trình, dự án hạ tầng liên vùng, có tính đột phá, phạm vi ảnh hưởng rộng, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, khu vực.

Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng logistics. Phát triển đồng bộ hạ tầng số, điện ổn định, năng lượng sạch, nhà ở công nhân, nhà ở chuyên gia, các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế phục vụ người lao động và

chuyên gia nước ngoài; tạo môi trường sống thuận lợi để thu hút và giữ chân các dự án FDI chất lượng cao.

Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài theo từng lĩnh vực, từng địa bàn; chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết để sẵn sàng tiếp nhận các dự án đầu tư quy mô lớn.

Chủ động tạo lập quỹ đất sạch, bảo đảm quỹ đất phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ và các dự án đầu tư trọng điểm; nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư có chất lượng, hiệu quả và sức lan tỏa cao.

Từng bước hoàn thiện hạ tầng phục vụ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, công nghiệp chế biến chế tạo hiện đại và các ngành kinh tế mới.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của các dự án FDI thể hệ mới; chú trọng đào tạo nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, logistics, năng lượng sạch và các ngành dịch vụ hiện đại. Phấn đấu từng bước nâng cao tỷ lệ người Việt Nam đảm nhiệm các vị trí kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, điều hành trong doanh nghiệp FDI; coi đây là tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài.

Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp FDI trong đào tạo, đào tạo lại, đào tạo theo đơn đặt hàng; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, chuyển giao kỹ năng quản trị và công nghệ cho lao động địa phương.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tiếp cận, hấp thụ và làm chủ công nghệ tiên tiến; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với phát triển doanh nghiệp.

Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo nghề với doanh nghiệp; đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo theo hướng gắn với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng quản trị và tác phong công nghiệp cho người lao động.

Có cơ chế thu hút, phát triển và sử dụng hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, lao động kỹ thuật chất lượng cao; từng bước nâng cao tỷ lệ lao động địa phương đảm nhiệm các vị trí kỹ thuật, quản lý và điều hành trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng số và khả năng thích ứng của người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

6. Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp trong nước và nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh, công nghệ sạch, trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài tỉnh.

Tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và phát triển công nghệ của doanh nghiệp trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới mô hình quản trị và nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp có khả năng tham gia chuỗi cung ứng; kết nối nhu cầu của doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ nhằm từng bước trở thành nhà cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia.

Tạo điều kiện để doanh nghiệp trong tỉnh tham gia sâu hơn vào mạng sản xuất, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vệ tinh, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong các ngành sản xuất chủ lực.

Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng; áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

7. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư và hợp tác quốc tế

Đổi mới căn bản công tác xúc tiến đầu tư theo hướng "đúng đối tác, đúng ngành, đúng dự án"; xác định rõ từng tập đoàn, từng quốc gia, từng lĩnh vực ưu tiên; chuẩn bị đầy đủ quỹ đất, hạ tầng, điện, nhân lực và các điều kiện cần thiết trước khi xúc tiến đầu tư; tăng cường xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua hỗ trợ các nhà đầu tư hiện hữu mở rộng sản xuất, kinh doanh và giới thiệu các nhà đầu tư mới đến tỉnh.

Tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các kênh ngoại giao kinh tế; phối hợp với các Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, tổ chức quốc tế tại Việt Nam nhằm

quảng bá tiềm năng, lợi thế và danh mục dự án trọng điểm của tỉnh. Xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm gắn với liên kết vùng, xúc tiến thương mại và du lịch; ưu tiên thu hút các dự án trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp chế biến - chế tạo, nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao hình thành hệ sinh thái bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ, được liệu, hạ tầng thương mại - dịch vụ và kinh tế cửa khẩu.

Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ; quan tâm hỗ trợ các nhà đầu tư đang hoạt động trên địa bàn tỉnh mở rộng sản xuất, kinh doanh, thực hiện tái đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, ổn định và minh bạch.

Đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá tiềm năng, lợi thế, hình ảnh và môi trường đầu tư của tỉnh; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xúc tiến đầu tư, kết nối hiệu quả với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, lao động và các lĩnh vực có liên quan.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài trên tất cả các khâu từ xúc tiến, thu hút, thẩm định, triển khai thực hiện dự án đến theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư; thực hiện hiệu quả công tác hậu kiểm; kịp thời phát hiện, xử lý các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả, vi phạm quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các cam kết đầu tư.

Đổi mới phương thức theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư nước ngoài theo các tiêu chí về trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực, đóng góp ngân sách, tạo việc làm, phát triển doanh nghiệp hỗ trợ và mức độ liên kết với doanh nghiệp trong nước.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án FDI; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại và các hành vi lợi dụng đầu tư nước ngoài để vi phạm pháp luật.

9. Tăng cường bảo đảm an ninh, trật tự, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh quốc phòng trong hoạt động đầu tư nước ngoài

Chủ động nắm tình hình, đánh giá, dự báo các yếu tố tác động đến an ninh quốc gia, an ninh kinh tế, an ninh mạng, trật tự an toàn xã hội trong quá trình thu hút, quản lý và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài.

Tăng cường công tác thẩm định, rà soát các dự án đầu tư nước ngoài liên quan đến khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh; gắn chặt với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; không để ảnh hưởng đến khu vực phòng thủ, công trình quốc phòng, đất quốc phòng và các khu vực trọng yếu; đặc biệt là các dự án sử dụng công nghệ lõi, dữ liệu lớn, trung tâm dữ liệu, hạ tầng số, năng lượng, tài nguyên và các lĩnh vực nhạy cảm khác.

(Có phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tổ chức, đơn vị liên quan và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, triển khai thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách, quy định liên quan theo thẩm quyền để triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này; đồng thời tăng cường công tác giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định, hiệu quả, sát thực tiễn.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường xây dựng kế hoạch triển khai; cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ hằng năm; bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu sơ kết vào năm 2028, tổng kết vào năm 2030 hoặc theo yêu cầu của Trung ương.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc công tác tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này; kịp thời tham mưu định hướng thông tin, tuyên truyền về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên

địa bàn tỉnh. Chủ trì hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền; theo dõi tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; định hướng thông tin, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, các nghị quyết, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách liên quan theo quy định.

8. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi việc tổ chức thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh.

Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu
Giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và
các tổ chức - chính trị, xã hội cấp tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Hieu A Lenh

PHỤ LỤC
BIỂU NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 24/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Tổ chức, cơ quan chủ trì tham mưu	Tổ chức, cơ quan phối hợp (hoặc tham gia thực hiện)	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Các cấp ủy, tổ chức đảng	Các cấp ủy trực thuộc	Trong tháng 7/2026
2	Tập trung rà soát, xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh để hoàn thiện thể chế phục vụ phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bố trí nguồn lực; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị và Kế hoạch này.	Đảng ủy HĐND tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Từ Quý III/2026 và hằng năm
3	Tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Các cấp ủy, tổ chức đảng; cơ quan, đơn vị liên quan	Từ Quý III/2026, thực hiện thường xuyên
4	Tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về việc phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh	Từ Quý III/2026, thực hiện thường xuyên

5	Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với Nghị quyết, chủ trương của Đảng có liên quan; chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Từ Quý III/2026 và hằng năm
6	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với định hướng thu hút có chọn lọc, ưu tiên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, phát triển xanh và bền vững	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2026-2027
7	Xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư; tổ chức xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các tập đoàn đa quốc gia, nhà đầu tư chiến lược gắn với các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế cạnh tranh.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030; cập nhật hằng năm
8	Rà soát quỹ đất, đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phục vụ thu hút FDI	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030
9	Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn đào tạo nghề với nhu cầu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
10	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030

11	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, logistics, hạ tầng số đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư nước ngoài.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
12	Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
13	Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển; thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển bền vững.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2030
14	Tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án FDI; thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, lao động, thuế; kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
15	Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; kịp thời đề xuất điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
16	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích và xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm ; sơ kết vào 2028; tổng kết vào năm 2030